

Số: 592/TB-BVQDY

Phường Bạc Liêu, ngày 25 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

**V/v yêu cầu báo giá Vật tư y tế và Hoá chất,
sinh phẩm xét nghiệm (*phần bổ sung*) năm 2025 – 2026
của Bệnh viện Quân Dân y Bạc Liêu**

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Quân Dân y Bạc Liêu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Vật tư y tế và Hoá chất, sinh phẩm xét nghiệm (*phần bổ sung*) năm 2025 – 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Quân Dân y Bạc Liêu.

- Địa chỉ: Số 393, đường 23/8, khóm 24, Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

- Họ và tên: Lê Cẩm Chi Chức vụ: Nhân viên – Khoa Dược

- Số điện thoại: 0819.246.000

- Địa chỉ email: tothau.bvqdybl@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ:

- Khoa dược - Bệnh viện Quân Dân y Bạc Liêu.

- Địa chỉ: Số 393, đường 23/8, khóm 24, Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau.

- Nhận qua email: tothau.bvqdybl@gmail.com

- Đơn vị báo giá gửi 03 bản (01 bản gốc, 02 bản photo đóng mộc)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 25 tháng 11 năm 2025 đến trước 17h ngày 05 tháng 12 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa: Danh mục Vật tư y tế và Hoá chất, sinh phẩm xét nghiệm (***có phụ lục đính kèm***).

2. Địa điểm cung cấp, giao hàng hóa: Tại Bệnh viện Quân Dân y Bạc Liêu (Số 393, đường 23/8, khóm 24, Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau).

3. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Bệnh viện sẽ thanh toán trong vòng 90 ngày, kể từ nhận được đầy đủ các chứng từ hợp lệ đã được quy định.

4. Các thông tin khác: Các đơn vị cung cấp báo giá qua email yêu cầu gửi kèm theo file mềm để thuận tiện cho Chủ đủ tư cập nhật thông tin.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.
- Website Bệnh viện

GIÁM ĐỐC



Mã Hồng Anh



PHỤ LỤC 1

(Đính kèm Thông báo số: 592/TB-BVQD, ngày 25 tháng 11 năm 2025)

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ (Quốc gia, vùng lãnh thổ)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật
I. VẬT TƯ Y TẾ					
1	Film khô laser, máy X-Quang kỹ thuật số (20 x 25 cm)	Tờ	48.000	G7 hoặc Châu Âu	Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 20 x 25cm - Phim khô kỹ thuật số công nghệ in laser, Tương thích với các dòng máy in Drypix series
2	Film khô laser, CT scanner (35x43 cm)	Tờ	3.000	G7 hoặc Châu Âu	Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 35 x 43cm - Phim khô kỹ thuật số công nghệ in laser, Tương thích với các dòng máy in Drypix series
3	Film khô laser, MRI (35x43)	Tờ	8.000	G7 hoặc Châu Âu	Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 35 x 43cm - Phim khô kỹ thuật số công nghệ in laser, Tương thích với các dòng máy in Drypix series
II. HÓA CHẤT					
Hóa chất máy miễn dịch					
1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Troponin I	test	9.000	G7	Giới hạn đo: 10-50000 pg/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
2	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm Troponin I	ml	30		Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Troponin I tim (cTnI) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
3	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn tim mạch, mức nồng độ 1	ml	36		Mẫu nội kiểm nồng độ 1 cho các xét nghiệm Troponin I
4	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn tim mạch, mức nồng độ 2	ml	36		Mẫu nội kiểm nồng độ 2 cho các xét nghiệm Troponin I
5	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn tim mạch, mức nồng độ 3	ml	36		Mẫu nội kiểm nồng độ 3 cho các xét nghiệm Troponin I
6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm FT3	test	1.000	G7	Giới hạn đo: 0,5-30,0 pg/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
7	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm FT3	ml	9		Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm triiodothyronine tự do (FT3) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
8	Hóa chất dùng cho xét nghiệm FT4	test	1.000	G7	Giới hạn đo: 0,1-10 ng/dL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
9	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm FT4	ml	9		Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm thyroxine tự do (FT4) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
10	Hóa chất dùng cho xét nghiệm TSH	test	1.000	G7	Giới hạn đo: 0.007-200.000 μ IU/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ (Quốc gia, vùng lãnh thổ)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật
11	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm TSH	ml	9		Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSH Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
12	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm FT3, FT4, TSH mức nồng độ 1	ml	40		Mẫu nội kiểm nồng độ 3 cho các xét nghiệm sau: FT3, FT4, TSH
13	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm FT3, FT4, TSH mức nồng độ 2	ml	40		Mẫu nội kiểm nồng độ 2 cho các xét nghiệm sau: FT3, FT4, TSH
14	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm FT3, FT4, TSH mức nồng độ 3	ml	40		Mẫu nội kiểm nồng độ 3 cho các xét nghiệm sau: FT3, FT4, TSH
15	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CEA	test	400	G7	Giới hạn đo: 0,5-200 ng/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
16	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm CEA	ml	6		Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CEA Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
17	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AFP	test	400	G7	Giới hạn đo: 0,5-2000 ng/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
18	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm AFP	ml	9		Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm AFP Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
19	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CA 12-5	test	400	G7	Giới hạn đo: 2-1000 U/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
20	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm CA 12-5	ml	6		Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 12-5 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
21	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ferritin	test	200	G7	Giới hạn đo: 0,2-1000 ng/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
22	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm Ferritin	ml	6		Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Ferritin Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
23	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CA 15-3	test	400	G7	Giới hạn đo: 2-400 U/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
24	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm CA 15-3	ml	6		Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA15-3
25	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CA 19-9	test	200	G7	Giới hạn đo: 2-500 U/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
26	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm CA 19-9	ml	6		Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA19-9
27	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cyfra 21-1	test	200	G7	Giới hạn đo: 0,5-100 ng/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
28	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm Cyfra 21-1	ml	8		Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CYFRA 21-1 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
29	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HBsAb	ml	300	G7	Giới hạn đo: 10-1000 mIU/mL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
30	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm HBsAb	ml	6		Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBsAb Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.
31	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Anti HCV	test	300	G7	Có hóa chất hiệu chuẩn kèm theo Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ (Quốc gia, vùng lãnh thổ)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật
32	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, mức nồng độ 1	ml	12		Mẫu nội kiểm nồng độ 1 cho các xét nghiệm sau: CA 15-3, CA 19-9, CA 125, CEA, AFP, CYFRA 21-1
33	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, mức nồng độ 2	ml	12		Mẫu nội kiểm nồng độ 2 cho các xét nghiệm sau: CA 15-3, CA 19-9, CA 125, CEA, AFP, CYFRA 21-1
34	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, mức nồng độ 3	ml	12		Mẫu nội kiểm nồng độ 3 cho các xét nghiệm sau: CA 15-3, CA 19-9, CA 125, CEA, AFP, CYFRA 21-1
35	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm Anti-HCV	ml	30		Mẫu nội kiểm cho các xét nghiệm Anti-HCV Thành phần: Huyết thanh người, dạng lỏng Ổn định 60 ngày sau mở nắp khi bảo quản ở 2-8 °C
36	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm Anti-HBs	ml	30		Mẫu nội kiểm cho các xét nghiệm Anti-HBs Thành phần: Huyết thanh người, dạng lỏng Ổn định 60 ngày sau mở nắp khi bảo quản ở 2-8 °C
37	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm	cái	36.000		Vật tư tiêu hao theo máy sử dụng để hút mẫu bệnh phẩm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
38	Dung dịch cơ chất	ml	3.000		Cơ chất phát quang dùng cho phản ứng enzym Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.
39	Dung dịch pha loãng mẫu bệnh phẩm	ml	1.920		Dung dịch dùng để pha loãng mẫu Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.
40	Dung dịch rửa miễn dịch	ml	24.000		Dung dịch sử dụng để rửa miễn dịch Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
Tổng cộng: 43 khoản					